

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐBTT

K/g: B/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 25/10/2021

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RP1+CTC1+BK14	7:25	15+7+0	0+0+0		14+4+1	0+0+0	CHUYEN 4 ctcl-bk14
2		RP3+P10+TD2	7:25	19+3+0	0+0+0		16+3+0	0+0+0	CHUYEN 1 rp3-p10, CHUYEN 2 rp3-td2
3		P6+PPD+RP3	7:25	4+4+14	0+0+0		3+4+15	0+0+0	CHUYEN 1 PPD-RP3
4		PVD1+RC5+RC6	9:25	11+6+5	0+0+0		1+13+7	0+0+0	
5		CTK3+BK8+TD1+TTC2	9:25	21+0+1+0	0+0+0+0		2+4+4+0	0+0+0+0	CHUYEN 1 BK8-TTC2
6		RP3+RCDM+TD5	9:25	13+8+1	0+0+0		0+7+14	0+0+0	
7		CTK3+RP3+RC4	11:25	1+16+5	0+0+0		0+9+10	0+0+0	hàng CD CTK3
8		CTK3+P2+RP1	11:25	5+2+15	0+0+0		0+7+13	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/4 người TD3 về qua RP3

FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/10/2021	TO: RP3 - P10 - TD2	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Dương - VThắng - Huy	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KARAVKA I. I.	RP3	21	1	15		90	KHOAN	Russian
2	DOROSHENKO M. K.	RP3	23	1	7		92	KHOAN	Russian
3	KOSHELEV P.S.	RP3	24	1	10		90	KHOAN	Russian
4	ĐÀO VIỆT HAI	RP3	30	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN QUỐC KHIEM	RP3	37	1	6		90	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN ANH ĐÔNG	RP3	26	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI ĐỨC THUẬN	RP3	25	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐO QUANG TỎ	RP3	28	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN CÔNG SOAI	RP3	32	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN TRI CHUNG	RP3	35	1	3		52	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN HIỂN	RP3	34	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN THANH TÙNG	RP3	33	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM QUỐC CHÈ	RP3	31	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN VĂN TIẾN	RP3	39	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN THANH BÌNH	RP3	38	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐẶNG HAI HÀ	RP3	27	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN SY ĐIẾP	RP3	29	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐINH QUANG THANH	RP3	36	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN HỮU MẬU	RP3	22	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
20	HỒ ANH QUỐC	P10	77	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
21	BUI ANH SƠN	P10	76	1	6	80	65	KH-THAC	Vietnamese
22	PHAN ĐÌNH CƯỜNG	P10	78-79	2	14		75	NIPI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

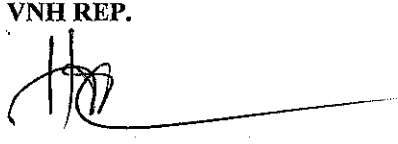
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	19	19	118	1.415	0	16	3	CHUYEN 01 PAX TU RP3 SANG P10, CHUYEN 02 PAX TU RP3 SANG TD2
2	P10	3	4	23	212	80	3		
3	TD2	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		22	23	141	1.627	80	19		
WEIGHT KG				141	1.627	80			

GRAND TOAL: 1.848 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/10/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: RP1 - CTC1 - BK14	CREW: CHIẾN - Nam - QTrưởng	ETA: 09:10
XANH-1			

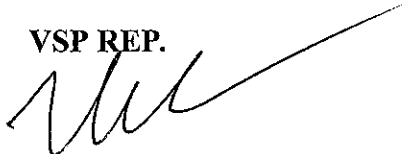
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ HUY TÂM	RP1	10-11	2	7		65	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN THANH HAI	RP1	17	1	9		59	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN TUẤN ANH	RP1	08	1	11		73	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI NGỌC LONG	RP1	25-26	2	12	70	77	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐỖ ĐỨC VƯỢNG	RP1	12	1	5		86	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐỖ VĂN THANH	RP1	14	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN NĂNG	RP1	15	1	9		80	KH-THAC	Vietnamese
8	VU BA NẾP	RP1	20	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN TIẾN	RP1	23-24	2	11		79	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ TRI KHANH	RP1	09	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
11	HÀ QUỐC HOÀN	RP1	16	1	6		83	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VIỆT BĂNG	RP1	21	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN QUANG THÔNG	RP1	22	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐỨC NHÂN	RP1	18-19	2	12		67	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VIỆT HÙNG	RP1	13	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM NGỌC PHONG	CTC1	71	1	12		72	XAYLAP	Vietnamese
17	LÊ HỒNG DUY	CTC1	74-75	2	19		67	XAYLAP	Vietnamese
18	LÊ ĐÌNH ĐỖ	CTC1	51-52	2	20		79	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN QUANG HUY	CTC1	53-54	2	14		59	XAYLAP	Vietnamese
20	LÊ XUÂN TÍNH	CTC1	77-78	2	15		75	XAYLAP	Vietnamese
21	PHAN TRƯỞNG GIANG	CTC1	76	1	9		73	XAYLAP	Vietnamese
22	PHẠM VIỆT HÙNG	CTC1	72-73	2	20		73	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

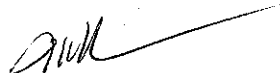
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	15	19	121	1.087	70	14		CHUYEN 04 PAX TU CTC1 SANG BK14
2	CTC1	7	12	109	498	0	4	4	
3	BK14	0	0	0	0	15	1		
TOTAL		22	31	230	1.585	85	19		
WEIGHT KG				230	1.585	85			

GRAND TOAL: 1.900 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/10/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:45
FLIGHT: 03	TO: P6 - PPD - RP3	CREW: MTHẮNG - Phong - dũng	ETA: 09:25
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM MANH HAI	P6	29	1	15		60	XAYLAP	Vietnamese
2	DƯƠNG ĐĂNG CUÔNG	P6	30-32	3	16		74	XAYLAP	Vietnamese
3	ĐỖ MẠNH HÙNG	P6	33-34	2	15	38	60	XAYLAP	Vietnamese
4	LÊ VĂN QUANG	P6	26-28	3	18		77	XAYLAP	Vietnamese
5	LÊ VĂN DŨNG	PPD	76-77	2	14		69	CODIEN	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐỨC ANH	PPD	72-73	2	20		83	XAYLAP	Vietnamese
7	LÊ VĂN LAM	PPD	74-75	2	19		80	XAYLAP	Vietnamese
8	LE VIET ANH DUC	PPD	71	1	15		77	XAY LAP	Vietnamese
9	LÊ CÔNG HUNG	RP3	69	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN QUÝ HAI	RP3	70	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
11	DƯƠNG CHUNG THUY	RP3	68	1	12		64	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG VAN HOI	RP3	63	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM DUY NHIÊN	RP3	77	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐÌNH HỘ	RP3	64	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese
15	VÔ THANH LÂM	RP3	65-66	2	8		62	KH-THAC	Vietnamese
16	HUYNH TÂN NGON	RP3	72	1	12		71	KH-THAC	Vietnamese
17	VŨ CHÍ KIẾN	RP3	71	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
18	KUSHCHENKO N.V.	RP3	72-73	2	11		75	KH-THAC	Russian
19	PHAN NGỌC AN	RP3	78-79	2	10		72	CODIEN	Vietnamese
20	LÊ HỮU TUƠNG	RP3	76	1	5		58	CODIEN	Vietnamese
21	LÊ VĂN GIANG	RP3	77	1	15	53	74	CODIEN	Vietnamese
22	NGUYỄN ĐỨC DŨNG	RP3	74-75	2	20		65	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	4	9	64	271	38	3		CHUYEN 01 PAX PPD SANG RP3
2	PPD	4	7	68	309	0	4+1		
3	RP3	14	18	135	963	53	15		
TOTAL		22	34	267	1.543	91	20		
WEIGHT KG				267	1.543	91			

GRAND TOAL: 1.901 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/10/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:40
FLIGHT: 04	TO: PVD1 - RC5 - RC6	CREW: CHIẾN - Nam - QTrưởng	ETA: 11:20
XANH-2			

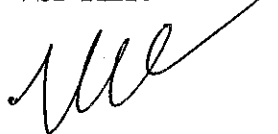
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN GIANG	PVD1	38	1	6		70	XN DVL	Vietnamese
2	ĐỖ HOÀI THANH	PVD1	36	1	5	34	72	XN DVL	Vietnamese
3	ĐỖ THANH HẢI	PVD1	37	1	7	50	75	XN DVL	Vietnamese
4	ĐỖ NGỌC DUYỀN	PVD1	34	1	12		78	XN DVL	Vietnamese
5	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	PVD1	27-28	2	15		75	PVD LOGO	Vietnamese
6	TRƯỜNG NHẬT QUANG	PVD1	29-30	2	17		80	PVD LOGO	Vietnamese
7	TRẦN TUẤN ANH	PVD1	21-23	3	17		65	XAYLAP	Vietnamese
8	ĐẠO AN TUẤN	PVD1	25-26	2	14		54	XAYLAP	Vietnamese
9	NGÔ TRUNG KIẾN	PVD1	33	1	12		72	XAYLAP	Vietnamese
10	LÊ TÚ KHÁ	PVD1	34-35	2	17		90	XAYLAP	Vietnamese
11	HOANG THAI TAI	PVD1	31-32	2	15		78	XAYLAP	Vietnamese
12	CAO THANH HỢP	RC5	83	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
13	VÕ VĂN ĐÔNG	RC5					67	KH-THAC	Vietnamese
14	TRỊNH VĂN TIẾN	RC5	87	1	5	15	80	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN TOÀN	RC5	28	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐINH VĂN LIÊN	RC5	84	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
17	HỒ ĐÌNH LỘC	RC5	85-86	2	12		78	PSV	Vietnamese
18	HOANG HUU SON	RC6	25	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN HÂN	RC6	28	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
20	TU TUẤN TÚ	RC6	29	1	6	12	65	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN LA	RC6	26	1	10	10	70	KH-THAC	Vietnamese
22	KIỀU MINH QUYẾT	RC6	27	1	5		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

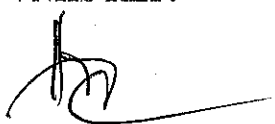
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD1	11	18	137	809	84	1		
2	RC5	6	6	31	415	15	13		
3	RC6	5	5	31	363	22	7		
TOTAL		22	29	199	1.587	121	21		
WEIGHT KG				199	1.587	121			

GRAND TOAL: 1.907 KGS

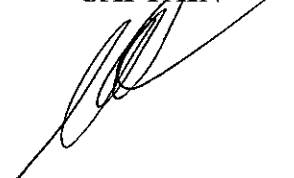
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/10/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:45
FLIGHT: 05	TO: CTK3 - BK8 - TTC2 - TD1	CREW: Dương - VThắng - Huy	ETA: 11:45
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN MƯỜI	CTK3	50	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ THANH CHUNG	CTK3	48	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN DÂN	CTK3	51-52	2	12		70	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐẶNG THIỆU THANH	CTK3	46	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN NGHĨA TÍN	CTK3	47	1	12		77	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM THANH QUANG	CTK3	49	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM HOANG	CTK3					63	CODIEN	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐÌNH KHA	CTK3					67	CODIEN	Vietnamese
9	PHI ĐỨC THỊNH	CTK3	38	1	9	15	60	XAYLAP	Vietnamese
10	HUYNH PHƯƠNG HUNG	CTK3	27-28	2	19		75	XAYLAP	Vietnamese
11	LÊ VĂN BAY	CTK3	23	1	10	12	61	XAYLAP	Vietnamese
12	PHẠM VĂN KHUYNH	CTK3	22	1	18		74	XAYLAP	Vietnamese
13	PHẠM HỒNG PHÚC	CTK3	34	1	12	18	60	XAYLAP	Vietnamese
14	ĐỖ NGỌC SƠN	CTK3	25	1	8	22	83	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN KHÁ	CTK3	30-31	2	19		75	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN KHÁNH	CTK3	29	1	17		59	XAYLAP	Vietnamese
17	DUONG VAN TUAN	CTK3	20	1	10	19	65	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN NGỌC ANH	CTK3	19	1	18		75	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN PHƯỚC	CTK3	36-37	2	17		72	XAYLAP	Vietnamese
20	TRẦN TRUNG ĐĂNG	CTK3	32	1	8	17	74	XAYLAP	Vietnamese
21	VŨ THAI ANH	CTK3	40	1	7	20	65	XAYLAP	Vietnamese
22	DO NGOC TAM	TD1	79	1	12		90	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	21	23	224	1.468	123	2		CHUYEN 1 PAX BK8 SANG TTC2
2	BK8	0	0	0	0	0	4		
3	TTC2	0	0	0	0	0	0		
4	TD1	1	1	12	90	0	7		
TOTAL		22	24	236	1.558	123	13		
WEIGHT KG				236	1.558	123			

GRAND TOAL: 1.917 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/10/2021	TO: RP3 - RCDM - TD5	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:55
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: MTHẮNG - Phong - dũng	ETA: 11:35
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN TUẤN	RP3	86-87	2	10	21	72	KHI	Vietnamese
2	HOANG PHƯƠNG NAM	RP3	84-85	2	16		60	KHI	Vietnamese
3	LÊ HUY THUẬN	RP3	98-99	2	15		85	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN SY HOÀN	RP3	92	1	6		58	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN TRỌNG TRI	RP3	93	1	8		65	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN TRỌNG SONG	RP3	91	1	5		71	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH TÚ	RP3	90	1	7		63	KHI	Vietnamese
8	PHAN VĂN THÀNH	RP3	97	1	8		65	KHI	Vietnamese
9	TRẦN BA THƯƠNG	RP3	96	1	9		63	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN TẤT KHANH	RP3	94	1	9		72	KHI	Vietnamese
11	ĐÀO VĂN THỊNH	RP3	89	1	6		67	KHI	Vietnamese
12	TRẦN VĂN MINH	RP3	600	1	10		85	YTE	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	RP3	95	1	8		67	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐÌNH THAM	RCDM	66	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
15	VŨ QUANG TUYẾN	RCDM	65	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
16	HUỲNH MINH SANG	RCDM	70	1	4	80	76	KH-THAC	Vietnamese
17	TÔ TIẾN DŨNG	RCDM	67-68	2	13	10	72	KH-THAC	Vietnamese
18	HUỲNH MINH TRI	RCDM	64	1	5		54	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAN XUÂN THÀNH	RCDM	62	1	10		66	KH-THAC	Vietnamese
20	PHÙNG ĐẠI DƯƠNG	RCDM	71-72	2	12		76	KH-THAC	Vietnamese
21	VŨ VĂN THÀNH	RCDM	63	1	6		67	PSV	Vietnamese
22	CONRADO M. ABASTILLAS	TD5	25-26	2	20		92	KHOAN	Filipino

FLIGHT PLAN

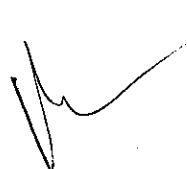
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	13	16	117	893	21	0		
2	RCDM	8	10	67	555	90	7		
3	TD5	1	2	20	92	0	14		
TOTAL		22	28	204	1.540	111	21		
WEIGHT KG				204	1.540	111			

GRAND TOAL: 1.855 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN


FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/10/2021	TO: RP3 - RC4	AIRCRAFT: 428	ETD: 11:50
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: TTrung - Hạnh - DTùng	ETA: 13:30
HONG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN NHAN THUC	RP3	40-41	2	15		65	KHI	Vietnamese
2	PHAN THANH BINH	RP3	95	1	10		68	KHI	Vietnamese
3	NGUYEN DUY THANH	RP3	92-93	2	15		94	KHI	Vietnamese
4	NGUYEN QUOC LAI	RP3	91	1	7	60	74	KHI	Vietnamese
5	NGUYEN VAN VU	RP3	94	1	10		66	KHI	Vietnamese
6	NGUYEN VAN NGHIEM	RP3	42-43	2	10		58	KHI	Vietnamese
7	KHUONG VAN DINH	RP3	97	1	9		62	KHI	Vietnamese
8	DINH TRAN HIEU	RP3	98-99	2	15		53	KHI	Vietnamese
9	NGUYEN TRUNG KIEN	RP3	44-46	3	15		65	KHI	Vietnamese
10	DO THANH PHUOC	RP3	47-48	2	11		60	KHI	Vietnamese
11	LE VAN BAO	RP3	87	1	10		80	KHI	Vietnamese
12	PHAM NGOC CHI	RP3	90	1	8		60	PSV	Vietnamese
13	PHAN SY CAO	RP3	88	1	7		66	PSV	Vietnamese
14	TRAN BA MAU	RP3	89	1	10		66	PSV	Vietnamese
15	BUI QUOC DUONG	RP3					54	PSV	Vietnamese
16	DO THANH CHUONG	RP3	96	1	7		63	PSV	Vietnamese
17	PHAM HONG SON	RC4	93	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN TRUNG TIN	RC4	96-97	2	12		91	KH-THAC	Vietnamese
19	DUONG NHAT THANH	RC4	94-95	2	15	40	76	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐANG TRUNG HIEU	RC4	98-99	2	12		71	KH-THAC	Vietnamese
21	MAI VAN TUONG	RC4	76	1	4		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	16	22	159	1.054	60	9		
2	RC4	5	8	48	378	40	10		
TOTAL		21	30	207	1.432	100	19		
WEIGHT KG				207	1.432	100			

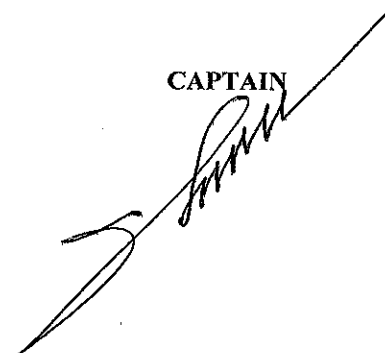
GRAND TOAL: 1.739 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN







FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/10/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:15
FLIGHT: 08	TO: CTK3 - P2 - RP1	CREW: QViệt - HUNG - Toan	ETA: 13:55
VANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LE TRONG TUYEN	CTK3	08	1	10	78	60	CODIEN	Vietnamese
2	ĐẶNG QUANG LỘC	P2	28	1	10	20	65	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYỄN TRỌNG TUÂN	P2	53-54	2	17	10	67	CODIEN	Vietnamese
4	NGUYEN CANH LUYEN	P2	55	1	12	12	72	XAYLAP	Vietnamese
5	HOANG VAN VIEN	P2	57-58	2	17		80	XAYLAP	Vietnamese
6	ĐINH VĂN MẠNH	RP1	38	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐẶNG TRỌNG GIAO	RP1	45	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
8	TÀNG THANH DÂN	RP1	39	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAN TRỌNG HIẾU	RP1	42	1	4		76	KH-THAC	Vietnamese
10	TÔ NG. MINH KHÔI	RP1	34	1	8		78	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN NAM TRUNG	RP1	35	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐẶNG ĐÌNH HÒA	RP1	41	1	10		63	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐÌNH LỘC	RP1	40	1	8		78	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ ĐÌNH THU	RP1	36-37	2	20		70	YTE	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	RP1	44	1	7		100	PSV	Vietnamese
16	HÀ QUỐC VINH	RP1	31	1	5	10	70	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN VIỆT DŨNG	RP1	43	1	4		75	PSV	Vietnamese
18	LÊ VĂN QUY	RP1	33	1	9		74	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN HỮU NHÂN	RP1	07	1	7		73	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN CÔNG MẠNH	RP1	32	1	5		80	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	1	1	10	60	78	0		
2	P2	4	6	56	284	42	7		
3	RP1	15	16	108	1.117	10	13		
TOTAL		20	23	174	1.461	130	20		
WEIGHT KG				174	1.461	130			

GRAND TOAL: 1.765 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 27/10/2021

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD5+P10+PVD1	7:25	3+0+18	0+0+0		0+1+18	0+0+0	chuyen 2 TD5-P10, Chuyen 2TD5-PVD1Chuyen 1 P10-PVd1
2		BK10+CTK3+TD5	7:25	1+17+0	0+0+0		0+5+17	0+0+0	
3		BK4+MRM+RC3+RP2	7:25	0+13+0+0	0+0+0+0		0+3+6+3	0+0+0+0	chuyen 7 bk4-rp2chuyen 3 rc3--rp2
4		BK3+P1+TD2	9:25	5+16+1	0+0+0		0+17+5	0+0+0	
5		PPD+CNV+Py	9:25	18+3	0+0		10+0	0+0	
6		P1+PVD1+BK15	9:25	12+10+0	0+0+0		10+5+0	0+0+0	chuyen 2 PVD1-BK15

TTBBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/2 Người chuyển TD5 sang PVD1 sau đó chuyển PVD1 sang BK15

FLIGHT MANIFEST

DATE: 27/10/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: TD5 - P10 - PVD1	CREW: TTrung - Hôi - DTùng	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHÙNG NGUYỄN NGỌC	TD5	29	1	5		88	KHOAN	Vietnamese
2	PHẠM THANH LINH	TD5	28,38	2	5	80	60	KHOAN	Vietnamese
3	LƯU VĂN PHONG	TD5	27	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
4	ĐOÀI DUY DƯƠNG	PVD1	50	1	5		70	PVDO	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN ĐẠI	PVD1	51	1	10		65	PVDO	Vietnamese
6	TRẦN NGỌC ĐỊNH	PVD1	62	1	5		65	PVDO	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN ĐOÀN	PVD1	45	1	5		60	PVDO	Vietnamese
8	VŨ HOÀNG YẾN	PVD1	46-47	2	12		70	PVDO	Vietnamese
9	LÊ HỮU TUƠNG	PVD1	56	1	5		80	PVDO	Vietnamese
10	TRỊNH HỮU BÌNH	PVD1	65	1	5		75	PVDO	Vietnamese
11	ĐỖ VĂN BIỂN	PVD1	57	1	5		75	PVDO	Vietnamese
12	PHAN NGỌC TỰU	PVD1	67	1	10	20	60	PVDO	Vietnamese
13	TRẦN HIẾU	PVD1	63	1	5		10	PVDO	Vietnamese
14	NGÔ VĂN TẠO	PVD1	66	1	10		60	PVDO	Vietnamese
15	NGUYỄN QUANG VƯƠNG	PVD1	64	1	5		65	PVDO	Vietnamese
16	HENRIK ANGELO SNYDSTRUP	PVD1	59-60	2	17		95	PVD DD	Danmark
17	TRẦN TỬ LONG	PVD1	58	1	5		70	PSV	Vietnamese
18	MAI MINH TUẤN	PVD1	49	1	7		70	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN TUẤN ANH	PVD1	68-69	2	12		80	PVDWS	Vietnamese
20	ĐỖ VĂN TUƠNG	PVD1	48	1	15		65	PVDWS	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN TIEN	PVD1	61	1	5		65	PVDWS	Vietnamese

FLIGHT PLAN

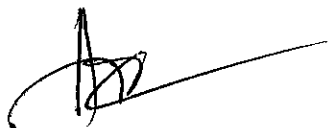
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	3	4	14	218	80	0	4	chuyen 02 pax td5 sang p10, chuyen 01 pax tu p10 sang pvd1 chuyen 02 pax td5 sang pvd1
2	P10	0	0	0	0	0	1	4	
3	PVD1	18	21	143	1.200	20	19		
TOTAL		21	25	157	1.418	100	20		
WEIGHT KG				157	1.418	100			

GRAND TOAL: 1.675 KGS

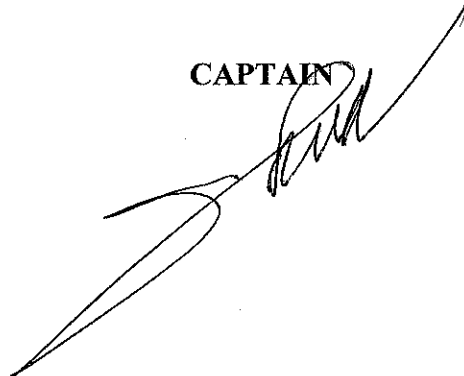
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 27/10/2021	TO: BK10 - CTK3 - TD5	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: VThắng - XTrường -	ETA: 09:15
CAM - 1		QTrường	

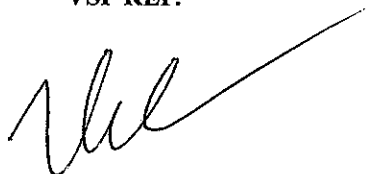
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẶNG THẾ ANH	BK10	58-59	2	14		71	NIPI	Vietnamese
2	VŨ ANH TUÂN	CTK3	90	1	9	65	67	CODIEN	Vietnamese
3	DUƠNG HỮU THUẬN	CTK3	14	1	8		65	CODIEN	Vietnamese
4	TRẦN PHÚC NGUYỄN	CTK3	56-57	2	12		85	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN BÀ THANH	CTK3	63-64	2	20		74	XAYLAP	Vietnamese
6	TRỊNH THANH GIANG	CTK3	65	1	12		73	XAYLAP	Vietnamese
7	TRẦN VĂN HỮU	CTK3	54	1	5		61	PSV	Vietnamese
8	VŨ XUÂN TIẾN	CTK3	58	1	8		70	PSV	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH NHAN	CTK3	53,95	2	11		71	PSV	Vietnamese
10	VŨ VĂN GIANG	CTK3	62	1	12		63	TRƯỜNG V	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN ƠN	CTK3	86-87	2	15		71	TRƯỜNG V	Vietnamese
12	VŨ TRỌNG THAO	CTK3	60-61	2	13		65	TRƯỜNG V	Vietnamese
13	TRẦN QUỐC KHÁNH	CTK3	66	1	9		58	TRƯỜNG V	Vietnamese
14	NGUYỄN DUY KHÁNH	CTK3	67,85	2	14		63	TRƯỜNG V	Vietnamese
15	NGUYỄN XUÂN TUNG	CTK3	93-94	2	14		68	TRƯỜNG V	Vietnamese
16	NGUYỄN TRƯỜNG SAN	CTK3	55	1	13		52	TRƯỜNG V	Vietnamese
17	TRẦN ĐÌNH CHUÔNG	CTK3				25	69	TRƯỜNG V	Vietnamese
18	LE VĂN LỤC	CTK3	59	1	9	50	69	TRƯỜNG V	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK10	1	2	14	71	0	0		
2	CTK3	17	23	184	1.144	140	5		
3	TD5	0	0	0	0	0	17		
TOTAL		18	25	198	1.215	140	22		
WEIGHT KG				198	1.215	140			

GRAND TOAL: 1.553 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 27/10/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	TO: BK4 - MRM - RC3 - RP2	CREW: HUNG - ĐNam - Toan	ETA: 09:20
vang-1			

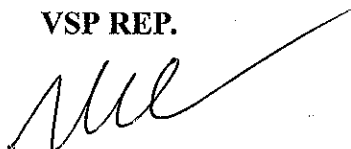
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ HIÊN GIANG	MRM	14	1	7	97	61	SEAMAP	Vietnamese
2	PHẠM HẢI ĐĂNG	MRM	15	1	10		70	SEAMAP	Vietnamese
3	ZHIGALO ALEKSANDR	MRM	11-12	2	20		90	AMNGR	Russian
4	SIANOV ALEKSANDR	MRM	21	1	15		82	AMNGR	Russian
5	DUBOGRAEV MIKHAIL	MRM	22-23	2	12		73	AMNGR	Russian
6	PHẠM HOÀI NHAN	MRM	10	1	10		65	HONG HA	Vietnamese
7	TRẦN LAM THO	MRM	09	1	6		55	HONG HA	Vietnamese
8	PHAN HUY CHUÔNG	MRM	07-08	2	15		65	HONG HA	Vietnamese
9	LÊ VĂN HUY	MRM	02	1	10		69	HONG HA	Vietnamese
10	HỒ VĂN AN	MRM	03	1	10		63	HONG HA	Vietnamese
11	HỒ TRỊ	MRM	13	1	12		61	HONG HA	Vietnamese
12	TRẦN ĐĂNG QUYNH	MRM	04-05	2	15		75	HONG HA	Vietnamese
13	KIRICHENKO K.P	MRM	06	1	6		80	KHOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK4	0	0	0	0	20	0	7	CHUYEN 07 PAX BK4 SANG RP2
2	MRM	13	17	148	909	97	3		
3	RC3	0	0	0	0	0	6	4	CHUYEN 04 PAX RC3 SANG RP2
4	RP2	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		13	17	148	909	117	14		
WEIGHT KG				148	909	117			

GRAND TOAL: 1.174 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 27/10/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:40
FLIGHT: 04	TO: BK3 - P1 - TD2	CREW: TTrung - Hôi - DTùng	ETA: 11:20
VANG-2			

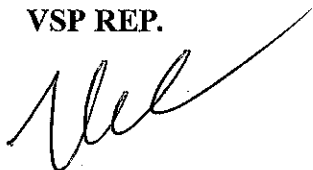
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ TRẦN TRUNG	BK3	72	1	10		72	CODIEN	Vietnamese
2	LÊ MINH SỸ	BK3	61-63	3	17	60	70	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐĂNG MẠNH	BK3	65-66	2	17		50	CODIEN	Vietnamese
4	LÊ ANH TUẤN	BK3	69-71	3	15		65	CODIEN	Vietnamese
5	ĐỖ TRƯỜNG DIỄN	BK3	67-68	2	15		73	CODIEN	Vietnamese
6	KISELEV IGOR	P1	87	1	6		100	KH-THAC	Russian
7	TRẦN KIM CUƠNG	P1	87-88	2	10		63	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN TRUNG CHÍNH	P1					63	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TRUNG DƯƠNG	P1	90	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ KIẾN TRUNG	P1	96	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN LONG BIÊN	P1	98	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN HỮU DŨNG	P1	36,500	2	15		65	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN THẾ VINH	P1	94	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐOÀN VĂN DU	P1	87	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN HOANG NHAN	P1	99	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN KHUÊ	P1	93	1	5		67	PVD	Vietnamese
17	NGUYỄN CÔNG DŨNG	P1	95	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
18	VŨ ĐÌNH THUẬN	P1	88-89	2	12		61	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN QUANG MINH	P1	92	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ ĐÌNH PHÚC	P1	91	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN THUY	P1	78	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
22	MAI DUY KHÁNH	TD2	65	1	12		80	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

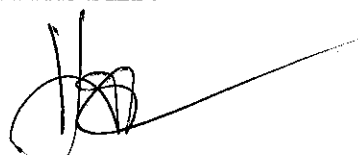
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK3	5	11	74	330	60	0		
2	P1	16	18	99	1.111	0	17		
3	TD2	1	1	12	80	0	5		
TOTAL		22	30	185	1.521	60	22		
WEIGHT KG				185	1.521	60			

GRAND TOAL: 1.766 KGS

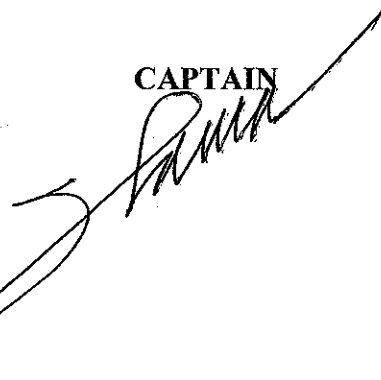
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 27/10/2021	TO: PPD - CNV - P4	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:45
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: VThắng - XTrưởng - QTrưởng	ETA: 11:25
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN LÂM	PPD	80	1	8		97	ANTOAN	Vietnamese
2	TRẦN NGUYỄN TÂN TÀI	PPD	13	1	9		84	KHI	Vietnamese
3	KHÔNG TIẾN DUNG	PPD	12	1	4	40	76	KHI	Vietnamese
4	LUÔNG VIỆT HỢP	PPD	09	1	6	45	59	KHI	Vietnamese
5	PHẠM VĂN TUÂN	PPD	10-11	2	12		55	KHI	Vietnamese
6	HUYNH THANH HIEN	PPD	81	1	15		60	KHI	Vietnamese
7	VĂN NGỌC TÂM	PPD	84-85	2	10		64	KHI	Vietnamese
8	PHAN NĂNG KHOA	PPD	95-96	2	15		58	KHI	Vietnamese
9	PHAN THANH ĐỨC	PPD	89	1	11		79	KHI	Vietnamese
10	VÕ QUANG HÀ	PPD	88	1	14		63	KHI	Vietnamese
11	TRẦN TRUNG HIỆU	PPD	90-91	2	15		70	KHI	Vietnamese
12	ĐOÀN HỮU TANG	PPD	07	1	7		60	KHI	Vietnamese
13	LÊ CÔNG HOÀNG	PPD	08	1	9		67	KHI	Vietnamese
14	LÊ HỮU LỘC	PPD	94	1	8		60	KHI	Vietnamese
15	ĐẶNG TRẦN LONG	PPD	82-83	2	14		57	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN MINH VAN	PPD	97	1	9		68	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN ANH ĐẠO	PPD	92-93	2	17		75	KHI	Vietnamese
18	TRƯỜNG HUY TRỌNG	PPD	86-87	2	11		64	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN NAM	CNV	75-76	2	11	45	88	CODIEN	Vietnamese
20	TRẦN ĐUÔNG	CNV	77	1	14		64	CODIEN	Vietnamese
21	HÀ MẠNH HOÀNG	CNV	74	1	11		73	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	18	25	194	1.216	85	13		
2	CNV	3	4	36	225	45	0		
3	P4	0	0	0	0	0	6		
TOTAL		21	29	230	1.441	130	19		
WEIGHT KG				230	1.441	130			

GRAND TOAL: 1.801 KGS

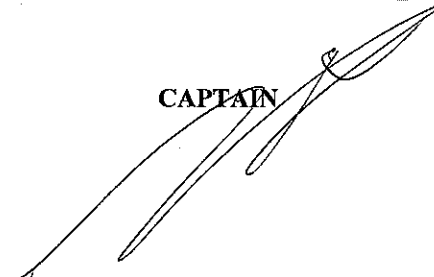
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/10/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
FLIGHT: 06	TO: PVD1 - BK15 - P1	CREW: HUNG - ĐNam - Toan	ETA: 11:30
NÂU-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐÀO VĂN TÂM	PVD1	79	1	14		74	PVDWS	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN DUÂN	PVD1	77	1	12		70	PVDWS	Vietnamese
3	PHẠM HỮU HUÂN	PVD1	74	1	12		64	XNK&SG	Vietnamese
4	TRANG NGỌC HUNG	PVD1	78	1	11		72	XNK&SG	Vietnamese
5	DƯƠNG QUỐC VIỆT	PVD1	80	1	13		58	XNK&SG	Vietnamese
6	LÊ NGỌC LUYẾN	PVD1	82-83	2	15		67	PVD INVE	Vietnamese
7	TRỊNH ANH VĂN	PVD1	75-76	2	13		63	PVD INVE	Vietnamese
8	ĐÀO VĂN TIẾN	PVD1	71-72	2	10		57	KHOAN	Vietnamese
9	VŨ QUANG	PVD1	81	1	10		67	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN CHÍ ĐỨC	PVD1	70,73	2	14		65	XAYLAP	Vietnamese
11	PHẠM ANH SƠN	P1	54	1	11		65	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM THANH TÀI	P1	55	1	6		77	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM SỸ HIỆP	P1	61	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ HỒNG HAI	P1	62-63	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM VĂN THẮNG	P1	53	1	6		50	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN VĂN PHIÊN	P1	66	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
17	VŨ NAM CƯỜNG	P1	58	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM THANH NHÀ	P1	67	1	6		78	PSV	Vietnamese
19	BUI VĂN QUÂN	P1	60	1	3		66	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN XUÂN THÔNG	P1	59	1	4		63	PSV	Vietnamese
21	PHẠM PHU BÌNH	P1	65	1	4		65	PSV	Vietnamese
22	LÊ TÙNG LÂM	P1	64	1	5		63	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD1	10	14	124	657	0	5	2	CHUYEN 2 PAX PVD1 SANG BK15
2	BK15	0	0	0	0	20	0		
3	P1	12	13	70	789	0	17		
TOTAL		22	27	194	1.446	20	22		
WEIGHT KG				194	1.446	20			

GRAND TOAL: 1.660 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN